**TRẮC NGHIỆM ĐẠI LÍ 12 HỌC KÌ I**

**THEO TỪNG MỨC ĐỘ**

**I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ**

**Nhận biết :**

**Câu 1:** Căn cứ để xác định chiều rộng và giới hạn phạm vi của lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa là

 **A.** các đảo ven bờ. **B.** biên giới trên biển.

 **C.** đường đẳng sâu. **D.** đường cơ sở.

**Câu 2:** Việt Nam vừa gắn liền với lục địa Á – Âu, vừa tiếp giáp với Biển Đông và thông ra

 **A.** Đại Tây Dương. **B.** Thái Bình Dương.

 **C**. Ấn Độ Dương. **D**. Đại Dương rộng lớn.

**Câu 3:** Việt Nam không có đường biển chung với nước nào sau đây?

 **A**. Trung Quốc. **B.** Đông Timo **C.** Brunây. **D.** Malaixia.

**Câu 4:** Đường bờ biển nước ta chạy từ

 **A.** Lạng Sơn đến Cà Mau. **B.** Móng cái đến Hà Tiên.

 **C.** Quảng Ninh đến Kiên Giang. **D.** Quảng Ninh đến Cà Mau.

**Câu 5:** Cửa khẩu nào sau đây nằm trên biên giới Việt Nam - Lào?

 **A.** Móng Cái. **B.** Lao Bảo. **C.** Hữu Nghị. **D.** Đồng Đăng.

**Câu 6:** Cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt - Trung?

 **A.** Cầu Treo. **B.** Vĩnh Xương. **C.** Lào Cai. **D.** Mộc Bài.

**Câu 7:** Tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở là vùng

 **A.** tiếp giáp lãnh hải. **B.** lãnh hải.

 **C.** đặc quyền kinh tế **D.** nội thủy.

**Câu 8.** Tỉnh nào sau đây vừa giáp biển vừa giáp Trung Quốc?

 **A.** Quảng Ninh. **B.** Nam Định.

 **C.** Nghệ An. **D.** Gia Lai.

**Câu 9.** Điểm cực Tây của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Điện Biên. **B.** Lai Châu. **C.** Sơn La. **D.** Lào Cai.

**Câu 10.** Huyện đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

 **A.** Quảng Trị. **B.** Đà Nẵng. **C.** Khánh Hòa. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 11**. Điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hà Giang. **B.** Cao Bằng. **C.** Lạng Sơn. **D.** Lào Cai.

**Câu 12.** Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với

 **A.** Trung Quốc, Lào, Camphuchia.  **B.** Lào,Campuchia.

 **C.** Trung Quốc, Campuchia. **D.** Lào, Trung Quốc.

**Câu 13.** Huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

 **A.** Quảng Trị. **B.** Đà Nẵng.

 **C.** Khánh Hòa. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 14:** Điểm cực Đông của nước ta thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây ?

 **A.** Quảng Ninh. **B.** Đà Nẵng. **C.** Khánh Hoà. **D.** Bình Thuận.

**Câu 15:** Lãnh thổ Việt nam là khối thống nhất, toàn vẹn bao gồm

 **A.** vùng đất, vùng biển, vùng trời. **B.** vùng đất, vùng biển, vùng núi.

 **C.** vùng đất liền, hải đảo, vùng trời. **D.** vùng đất, hải đảo , thềm lục địa.

**Câu 16.** Vùng biển, tại đó Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế, nhưng vẫn để cho các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do về hàng hải và hàng không như công ước quốc tế quy định là

 A. nội thủy. **B**. lãnh hải

 **C.** vùng tiếp giáp lãnh hải. **D.** vùng đặc quyền kinh tế.

**Câu 17.** Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m và hơn nữa, được gọi là

 **A.** lãnh hải. **B.** thềm lục địa.

 **C.** vùng tiếp giáp lãnh hải. **D.** vùng đặc quyền kinh tế.

**Câu 22.** Vùng đất của nước ta gồm

 **A.** phần đất liền giáp biển.

 **B.** toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.

 **C.** phần được giới hạn bởi các đường biên giới và đường bờ biển.

**D.** các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển.

 **Câu 23.** Việt Nam không có đường biển chung với?

 **A**. Trung Quốc. **B.** Đông Timo. **C.** Brunây. **D.** Malaixia.

**Câu 24**: Vùng biển được xem như bộ phận trên đất liền là

  **A.** nội thủy. **B.** lãnh hải.

 **C.** đặc quyền kinh tế. **D.** tiếp giáp lãnh hải.

**Câu 25.**  Căn cứ để xác định chiều rộng và giới hạn phạm vi của lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa là

 **A.** các đảo ven bờ. **B.** biên giới trên biển.

 **C.** đường đẳng sâu. **D.** đường cơ sở.

**Câu 26**: Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường nhập cư,...là vùng

 **A**. lãnh hải.  **B.** tiếp giáp lãnh hải.

 **C.** vùng đặc quyền về kinh tế. **D**. thềm lục địa.

**Câu 27**: Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với

 **A.** Trung Quốc, Lào, Camphuchia.  **B.** Lào,Campuchia.

 **C**. Trung Quốc, Campuchia. **D.** Lào, Trung Quốc.

**Thông hiểu**

**Câu 1.** Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lí nước ta là

 **A**. quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

 **B**. tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước.

 **C.** tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

 **D.** có vị trí địa lí đặc biệt quan trọng ở vùng Đông Nam Á, khu vực nhạy cảm với những biến động chính trị thế giới.

**Câu 6**. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên

 **A**. khí hậu có hai mùa rõ rệt.

 **B**. nền nhiệt độ cao, bức xạ mặt trời lớn.

 **C.** có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

 **D.** có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt.

**Câu 7.** Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, trên vành đai sinh khoáng châu Á – Thái Bình Dương, nên Việt Nam có nhiều

 **A**. tài nguyên sinh vật quý giá. **B.** tài nguyên khoáng sản.

 **C**. bão và lũ lụt. **D**. vùng tự nhiên khác nhau.

**Câu 8.** Nhờ tiếp giáp biển và có các khối khí di chuyển qua biển vào nước ta nên nước ta có

 **A.** nền nhiệt độ cao, nhiều ánh nắng. **B**. khí hậu có hai mùa rõ rệt.

**C.** thiên nhiên xanh tốt, giàu sức sống. **D**. nhiều tài nguyên khoáng sản .

**Vận dụng**

**Câu 1.** Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta là do

 **A**. vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ quy định.

 **B**. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc.

 **C.** ảnh hưởng của Biển Đông cùng với các bức chắn địa hình.

 **D**. sự phân hóa phức tạp của địa hình vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển.

**Câu 2.** Để đảm bảovấn đề chủ quyền biên giới quốc gia trên đất liền, Việt Nam cần tiếp tục đàm phán với các nước

 **A.** Trung Quốc và Lào. **B**. Lào và Cam-pu-chia.

 **C**. Cam-pu-chia và Trung Quốc. **D**. Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia

**Câu 3.** Với hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang của nước ta đã

 **A.** làm cho thiên nhiên từ Bắc vào Nam khá đồng nhất.

 **B.** tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.

 **C**. tạo sự phân hóa rõ rệt thiên nhiên từ đông sang tây.

 **D**. làm cho thiên nhiên có sự phân hóa theo độ cao địa hình.

**Câu 4**: Khoảng cách về vĩ độ giữa điểm cực Bắc và điểm cực Nam trên đất liền của nước ta là

  **A**.13040’.**B**.14039’.**C**.14049’.**D**.15049’.

**Câu 5**: Khoảng cách về kinh độ giữa điểm cực Đông và điểm cực Tây trên đất liền của nước ta là

 **A**.7015’.**B.** 7029’.**C**.10018’.**D**.12019’.

**Vận dụng cao**

**Câu 1.** Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải

 **A**. đường ô tô và đường sắt. **B**. đường biển và đường sắt.

 **C**. đường ô tô và đường biển. **D**. đường hàng không và đường biển.

**Câu 30.** Để bảo vệ và khai thác hiệu quả tài nguyên của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước ta cần

A. đẩy mạnh sức mạnh về quân sự và kinh tế.

B. hiện đại hóa trang thiết bị và đàm phán với các nước láng giềng.

C. khai thác triệt để các tài nguyên ở đây như hải sản, khoáng sản…

D. đàm phán với các quốc gia láng giềng có chung biển Đông

**II. ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

**Nhận biết**

**Câu 1**. So với diện tích lãnh thổ, vùng đồi núi nước ta chiếm

 A. 3/4 diện tích. **B.** 2/3 diện tích.

  **C**. 1/2 diện tích. **D.** 1/3 diện tích.

**Câu 2**: Điều gì sau đây thể hiện ở nước ta đồi núi chiếm phần lớn diện tích?

 **A**. Độ cao dưới 1000m chiếm 85% diện tích.

 **B**. Núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích.

 **C.** Đồi núi chiếm ¾ diện tích, đồng bằng chiếm ¼ diện tích.

 **D**. Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

**Câu 3**: Điều gì sau đây thể hiện ở nước ta đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích?

 **A**. Đồi núi chiếm ¾ diện tích, đồng bằng chỉ chiếm ¼.

 **B**. Độ cao dưới 1000m chiếm 85% diện tích, núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%.

 **C**. Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

 **D**. Địa hình có tính phân bậc rõ rệt.

**Câu 4**: Biểu hiện rõ nét nhất của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

 **A**. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ.

 **B**. xâm thực ở miền núi, bồi tụ ở đồng bằng.

 **C**. địa hình vùng núi đa dạng, gồm núi, cao nguyên, sơn nguyến.

 **C**. địa hình chịu tác động thường xuyên của con người.

**Câu 7**: Cấu trúc địa hình nước ta gồm 2 hướng chính là

 **A.** Tây - Đông và vòng cung.

 **B**. Vòng cung và Đông Bắc - Tây Nam.

 **C**. Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung.

 **D**. Bắc – Nam và Tây Bắc – Đông Nam.

**Câu 8**: Hướng vòng cung của địa hình nước ta thể hiện rõ nhất ở

 **A.** vùng núi Tây Bắc, Trường Sơn Nam.

 **B.** vùng núi Đông Bắc, Trường Sơn Nam.

 **C.** vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam.

 **D**. vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

**Câu 9**: Ở đồi núi nước ta, những nơi đá dễ thấm nước, dễ hòa tan thường hình thành dạng địa hình nào sau đây?

 **A**. Bán bình nguyên xen đồi. B. Hang động, suối cạn, thung khô.

 **C**. Cao nguyên ba dan . **D**. Thung lũng sông.

**Câu 10**: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

 **A**. có địa hình cao nhất nước ta.

 **B.** có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam.

 **C.** địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

 **D**. gồm các dãy núi song song và so le hướng Tây Bắc – Đông Nam.

**Câu 11**: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

 **A**. gồm các khối núi và cao nguyên.

 **B.** có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

 **C**. có bốn cánh cung lớn.

 **D.** Địa hình thấp và hẹp ngang.

**Câu 12**: Tỉ lệ diện tích địa hình đồng bằng và đồi núi thấp ở nước ta so với diện tích cả nước chiếm khoảng

 **A.** 70%. **B.** 75%. **C**. 80%. **D**. 85% .

**Câu 13**: Tỉ lệ diện tích địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta so với diện tích toàn bộ lãnh thổ chiếm khoảng

 **A**. 1%. **B**. 75%. **C.** 14%.  **D**. 25%.

**Câu 14**: Núi trung bình là núi có độ cao khoảng bao nhiêu mét so với mực nước biển?

 **A**. Từ 0- 200m. **B**. Từ 500m- 1000m.

 **C**. Từ 1000m- 2000m. **D**. Trên 2000m.

**Câu 15**: Dạng địa hình có ý nghĩa lớn trong việc bảo toàn tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta là

 **A**. đồng bằng. **B**. núi trung bình. **C**. đồi núi thấp. **D**. núi cao.

**Câu 16.** Tây Bắc – Đông Nam là hướng chính của

 **A**. các dãy núi vùng Tây Bắc.  **B**. các dãy núi vùng Đông Bắc.

 **C**. vùng núi Trường Sơn Nam**. D.** tất cả các vùng núi nước ta.

**Câu 17**. Hướng vòng cung là hướng chính của

  **A**. vùng núi Đông Bắc. **B.** các hệ thống sông lớn.

 **C.** dãy Hoàng Liên Sơn.  **D**. vùng núi Trường Sơn Bắc.

**Câu 18**. Khu vực nào sau đây đúng với tên của vùng núi có đặc điểm: những đỉnh cao trên 2000m nằm ở thượng nguồn sông Chảy, các khối núi đá vôi đồ sộ nằm ở biên giới, vùng đồi núi thấp 500 – 600m nằm ở trung tâm, đồi núi thấp khoảng 100m nằm dọc theo ven biển?

 **A.** Trường Sơn Nam. B. Đông Bắc.

 **C.** Trường Sơn Bắc.  **D.** Tây Bắc.

**Thông hiểu**

**Câu 1**. Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm của địa hình nước ta?

  **A**. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

 **B**. Xâm thực mạnh mẽ ở miền đồi núi.

 **C**. Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.

 **D.** Địa hình núi cao nhiều hơn đồng bằng.

**Câu 2**. Phát biểu nào sau đây không đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

 **A**. Địa hình núi cao, đồ sộ nhất cả nước.

 **B**. Có các sơn nguyên, cao nguyên đá vôi.

 **C**. Địa hình núi cao trung bình ở phía tây.

 **D**. Các khối núi đồ sộ, cao nguyên badan.

**Câu 3**. Phát biểu nào sau đây không đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

  **A**. Bất đối xứng giữa hai sườn Đông – Tây.

 **B**. Các bán bình nguyên xen đồi ở phía tây.

 **C.** Gồm khối núi đồ sộ và cao nguyên ba dan.

 **D.** Các dãy núi chạy song song và so le nhau.

**Câu 4**. Đặc điểm nào sau đây không đúng với địa hình bán bình nguyên nước ta?

 **A.** Gồm có các bề mặt phủ badan.

 **B**. Gồm có các bậc thềm phù sa cổ.

 **C**. Thể hiện rõ nhất ở Đông Nam Bộ.

 **D**. Ở rìa phía bắc đồng bằng sông Hồng.

**Câu 5**. Đặc điểm nào sau đây không đúng với địa hình đồi trung du nước ta?

  **A**. Chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

 **B**. Thềm phù sa cổ bị chia cắt do dòng chảy.

 **C.** Các bậc thềm phù sa cổ được phủ ba dan.

 **D**. Hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung.

**Câu 6.** Phát biểu nào sau đây không đúng với đồng bằng châu thổ ở nước ta?

 **A**. Do phù sa sông bồi tụ thành. **B.** Chủ yếu đất phù sa màu mỡ.

 **C.** Đa số hẹp ngang, bị chia cắt. **D**. Địa hình thấp và bằng phẳng.

**Câu 7**. Đặc điểm nào sau đây không đúng với đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

 **A**. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

 **B**. Ven biển thường là dải cồn cát, đầm phá.

 **C**. Đất thường nghèo, nhiều cát, ít màu mỡ.

 **D**. Được bồi đắp bởi phù sa sông là chủ yếu.

**Câu 8**. Phát biểu nào sau đây không đúng với đồng bằng sông Cửu Long nước ta?

 **A.** Là đồng bằng châu thổ có diện tích lớn nhất.

 **B**. Bề mặt bị chia cắt mạnh bởi hệ thống đê sông.

 **C.** Có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

 **D**. Bồi đắp bởi phù sa của sông Tiền và sông Hậu.

**Câu 9**. Phát biểu nào sau đây không đúng với địa hình của đồng bằng sông Hồng nước ta?

 **A.** Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.

 **B.** Vùng ngoài đê có các khu ruộng cao bạc màu.

 **C.** Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

 **D**. Trong đê không được bồi đắp phù sa hàng năm.

**Câu 10**. Phát biểu nào sau đây không phải là hạn chế của khu vực đồi núi nước ta?

 **A**. Địa hình bị chia cắt mạnh. **B**. Nguy cơ phát sinh động đất.

 **C.** Lũ quét, xói mòn, trượt lở đất. **D**. Lũ lụt, hạn hán thường xuyên..

**Câu 11**. Đất đai ở đồng bằng ven biển miền Trung thường nghèo, nhiều cát là do

 **A**. địa hình dốc nên bị xói mòn mạnh.

  **B**. hình thành chủ yếu từ vật liệu biển.

  **C**. các sông chủ yếu là ngắn và ít nước.

 **D**. vật liệu thô từ miền núi bồi tụ thành

**Câu 12**: Đặc điểm nào sau đây của địa hình nước ta gây khó khăn chủ yếu cho phát triển giao thông vận tải?

 **A.** Cấu trúc cổ được trẻ lại, phân hóa đa dạng.

 **B**. Hướng núi tây bắc – đông nam, vòng cung.

 **C.** Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

 **D.** Địa hình nhiều đồi núi nhưng chủ yếu núi thấp.

**Vận dụng**

**Câu 1**: Ở đồng bằng sông Cửu Long, về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm 2/3 diện tích đồng bằng bị nhiễm mặn, là do

 **A.** địa hình thấp, bằng phẳng.

  **B**. có nhiều vùng trũng rộng lớn.

 **C**. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt

 **D**.biển bao bọc ba phía của đồng bằng.

**Câu 2**: Địa hình đồng bằng sông Cửu Long khác với đồng bằng sông Hồng là

 **A**. có quy mô diện tích nhỏ hơn.

 **B**. không được bồi đắp phù sa hàng năm.

  **C**. có nhiều vùng trũng rộng lớn.

  **D**. bị chia cắt thành nhiều ô bởi đê ngăn lũ.

**Câu 3**: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho hạn mặn của đồng bằng sông Cửu Long gay gắt?

 **A**. Địa hình bằng phẳng, mạng lưới sông dày đặc.

 **B**. Có các vùng trũng lớn, mùa khô thường kéo dài.

 **C.** Địa hình thấp, nhiều cửa sông, mùa khô kéo dài.

 **D.** Nhiều cửa sông, không có đê sông, bằng phẳng.

**Câu 5**: Nguyên nhân làm cho địa hình nước ta có tính phân bậc rõ rệt là

 **A**. địa hình xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

 **B**. địa hình được vận động tân kiến tạo làm trẻ lại.

 **C**. địa hình chịu tác động thường xuyên của con người.

  **D**. trải qua quá trình kiến tạo lâu dài, chịu tác động nhiều của ngoại lực.

**Câu 6**: Nguyên nhân làm cho địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích ở nước ta là

 **A**. trải qua quá trình kiến tạo lâu dài, chịu tác động của ngoại lực.

 **B**. địa hình chịu tác động thường xuyên của con người.

 **C**. nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

 **D**. được vận động tân kiến tạo làm trẻ lại.

**Vận dụng cao**

**Câu 1**. Dân cư đồng bằng sông Cửu Long phải chung sống lâu dài với lũ là do

 **A.** lũ xảy ra quanh năm, lũ đột ngột, mực nước dâng cao.

 **B**. phần lớn diện tích của vùng thấp hơn so với mực nước biển.

 **C**. lũ lên nhanh, rút nhanh nên rất khó phòng tránh.

  **D**. không có hệ thống đê ngăn lũ như đồng bằng sông Hồng.

**Câu 2**: Sự phân hóa thiên nhiên giữa vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc do

 **A**. tác động của gió Tín phong với độ cao địa hình.

 **B**. tác động của vĩ độ địa lý với hướng các dãy núi.

 **C.** tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.

  **D**. hoạt động của gió mùa mùa hạ và dải dải tụ nhiệt đới.

**Câu 3**: Đất đai ở đồng bằng sông Cửu Long nhìn chung màu mỡ do

 **A.** không có hệ thống đê điều. **B**. mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

 **C.** mùa mưa bị ngập nước. **D**. diện tích lớn nhất cả nước.

**Câu 4**. Sự hiện diện của dãy Trường Sơn làm cho vùng Bắc Trung Bộ

 **A.** có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi.

 **B**. có mùa mưa chậm dần sang thu đông và gió Lào.

  **C**. chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn các vùng khác.

  **D**. có các loài động, thực vật ôn đới từ phía Bắc di cư đến.

**III. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN**

**Nhận biết**

**Câu 1**: Diện tích của Biển Đông là

 **A**. 3,477 triệu km2. **B.** 3,774 triệu km2.

  **C**. 3,447 triệu km2. **D.** 3,747 triệu km2.

**Câu 2**: Biển Đông là biển chung của

 **A**. 7 nước. **B**. 8 nước. **C.** 9 nước. **D**. 10 nước.

**Câu 3**: Nước nào có chung đường biên giới trên đất liền và trên biển với Việt Nam?

 **A.** Lào và Trung Quốc. **B.** Lào và Campuchia.

 **C**. Trung Quốc và Thái Lan. **D.** Trung Quốc và Campuchia.

**Câu 4**: Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam rộng khoảng

 **A.** 2,0 triệu km2. **B**. 1,5 triệu km2.

  **C**. 1,0 triệu km2. **D**. 2,5 triệu km2.

**Câu 5**: Các vịnh biển Xuân Đài, Vân Phong lần lượt thuộc các tỉnh

 **A**. Quảng Ninh, Đà Nẵng. **B.** Khánh Hòa, Đà Nẵng.

 **C.** Phú Yên, Khánh Hòa. **D**. Khánh Hòa, Phú Yên.

**Câu 6**: Đặc điểm cơ bản nhất của Biển Đông là

  **A**. là vùng biển kín.

 **B.** độ mặn của nước biển cao.

 **C.** dòng hải lưu chạy thành vòng tròn.

 **D**. nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 7**: Ảnh hưởng của biển Đông đến khí hậu nước ta là

A. làm tăng nhiệt độ vào mùa hè.

B. làm giảm nhiệt độ vào mùa đông.

C. làm phức tạp thêm thời tiết khí hậu.

D. làm khí hậu mang tính dải dương điều hòa hơn.

**Câu 8**. Trong biển đông có trên

  **A**.2.000 loài cá, hơn 100 loài tôm **B.** 2.000 loài cá, hơn 200 loài tôm

 **C.**100 loài cá, trên 2000 loài tô **D**.100 loài cá, trên 1000 loài tôm

**Câu 9.** Trong biển đông không có

 **A**.Vài chục loài mực **B**.Hàng nghìn loài sinh vật phù du

 **C**.Các rạn san hô **D**.Hàng nghìn loài tôm

**Câu 10**. Mỗi năm trung bình số cơn bão đổ vào biển đông là

1. 8-9  **B** .9-10 **C**.10-11 **D.** 11-12

**Câu 11**. Hàng năm trung bình số cơ bão trực tiếp đổ bộ vào nước ta

 **A**. 1-2 **B**. 2-3 **C**. 3-4 **D.** 4-5

**Thông hiểu**

**Câu 1**. Điểm nào sau đây không đúng với biển Đông

 **A.** Là biển tương đối kín

 **B**. Phía bắc và phía tây là lục địa

 **C.** Phần đông và đông nam là vòng cung đảo

 **D**. Nằm trong vùng nhiệt đới khô

**Câu 2**. Biển Đông là 1 vùng biển

1. Không rộng. **B** .Có đặc tính nóng ẩm.

 **C** . Mở rộng ra thái bình dương. **D** .Ít chịu ảnh hưởng của gió mùa.

**Câu 3**. Biểu hiện nào sau đây **không** phải là ảnh hưởng của biển đông đến khí hậu nước ta?

 **A.** Tăng độ ẩn các khối khí qua biển

 **B.** Giảm bớt tính khác nghiệt của thời tiết trong mùa đông

 **C**. Góp phần làm điều hòa khí hậu

 **D**. Tăng cường tính đa dạng của sinh vật nước ta

**Câu 4**. Sự đang dạng và giàu có của hệ sinh thái ven biển nước ta **không** bao gồm sự đa dạng và giàu có của

 **A.** hệ sinh thái rừng ngập mặn.

 **B**. hệ sinh thái trên đất phèn.

 **C.** hệ sinh thái rừng trên núi cao.

 **D**. hệ sinh thái rừng trên đảo.

**Câu 5**. Điểm nào sau đây **không** đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta?

 **A**.Có nhiều loài gỗ quý. **B**.Cho năng suất sinh vật cao.

 **C**. Giàu tài nguyên động vật. **D**. Phân bố ở ven biển.

**Câu 6**. Rừng ngập mặn ven biển phát triển mạnh nhất ở

 **A**. Bắc Bộ. **B**. Nam Bộ.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D**. Nam Trung Bộ.

**Câu 7**. Vùng có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất nước ta là

 **A**. Đồng Bằng Sông Cửu Long . **B.** Đồng Bằng Sông Hồng.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D**. Duyên Hải Nam Trung Bộ.

**Câu 8.** Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất của nước ta là

 **A.** Muối.  **B**. Sa khoáng . **C.** Cát. **D.** Dầu khí.

**Câu 9.** Dọc ven biển, nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, có ít sông đổ ra biển, là nơi thuận lợi cho nghề

 **A**. làm muối. **B**. khai thác thủy hải sản.

 **C.** nuôi trồng thủy hải sản. **D**. chế biển thủy hải sản.

**Câu 10**. Hai bể dầu khí lớn hiện đang được thăm dò và khai thác ở thềm lục địa nước ta là

  **A**.Nam côn sơn, cửu long. **B**. Thổ chu- mã lai, cửu long.

 **C.** Sông hồng, cửu long. **D.** Nam côn sơn, thổ chu-mã lai.

**Câu 11**. Điểm nào sau đây **không** đúng với sinh vật biển đông

 **A**. Giàu thành phần loài **B**. Năng suất sinh học cao.

 **C**. Tiêu biểu cho vùng biển nhiệt đới. **D.** Không phong phú về loài.

**Câu 12**. Bão đổ bộ vào nước ta gây ra

 **A**. Sóng lừng mưa lớn lũ lụt.  **B**. Lũ lụt mưa lớn động đất.

 **C**. Động đất sóng lừng lũ quét. **D**. Lũ qué mưa lớn núi lửa

**Câu 13**. Các thiên tai diễn ra nhiều ở vùng biển nước ta là

 **A**. Bão, sạt lở bờ biển, động đất

 **B**. cát bay cát chảy, động đất, sạt lở bờ biển

  **C**. sạt lở bờ biển, bão, sóng thần

  **D**. bão, sạt lở bờ biển, cát bay cát chảy

**Câu 14**. Loại thiên tai ít xảy ra ở vùng biển nước ta

 **A.** bão. **B.** động đất.

 **C.** sạt lở bờ biển. **D**. cát bay cát chảy.

**Câu 15.** Hiện tượng cát bay cát chảy thường diễn ra phổ biến ở vùng biển

  **A**. miền Bắc. **B**. miền Trung.

 **C.** Đông Nam Bộ**. D.** Tây Nam Bộ.

**Câu16**. Sạt lờ bờ biển hiện tường thường diễn ra dải ven biển miền trung và

 **A**. Trung Du Miền Núi Bắc Bộ. **B**. Đồng Bằng Sông Hồng

 **C**. Đông Nam Bộ. **D**. Tây Nam Bộ.

**Câu 17**. Dầu mỏ hiện đang được khai thác chủ yếu ở

 **A.** thềm Lục địa Bắc Bộ. **B**. đồng Bằng Sông Hồng.

 **C.** thềm Lục địa Nam Bộ. **D**. đồng Bằng Sông Cửu Long.

**Vận dụng**

**Câu1**. Biển đông làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương là nhờ vào

  **A**. biển rộng, nhiệt độ cao, biến đổi theo mùa.

 **B**. biển rộng, nhiệt độ cao, có tính hải lưu.

 **C**. biển rộng, nhiệt độ cao, chế độ triều phức tạp.

 **D**. biển rộng, nhiệt độ cao, tương đối kín.

**Câu 2**. Biểu hiện của tính đa dang địa hình ven biển nước ta là

  **A**. Có vịnh cửa sông và bờ biển mài mòn.

 **B**. Có đầm phá và các bãi cát phẳng.

 **C**. Có nhiều địa hình khác nhau.

 **D**. Có các đảo ven bờ và quần đảo xa bờ.

**Câu 3**. Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh nào?

 **A.** Hải Phòng. **B.** Quảng Ninh. **C**. Thái bình. **D**. Nam Định.

**Câu 4**. Vịnh Cam Ranh thuộc tỉnh nào?

 **A.** Đà Nẵng. **B**. Bình Định. **C**. Khánh Hòa. **D**. Phú Yên.

**Câu 5**. Vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh nào?

 **A**. Quảng nam. **B**. Quảng ngãi. **C**. Bình định. **D**. Phú yên.

**Vận dụng cao**

**Câu 1**. Vấn đề hệ trọng trong chiến lược khai thác tổng hợp phát triển kinh tế biển nước ta **không** phải là

 **A**. sử dụng hợp lí nguồn lợi thiên nhiên biển.

 **B**. phòng chống ô nhiễm môi trường biển.

 **C.** thực hiện những biện pháp phòng tránh thiên tai.

 **D.** Tăng cường khai thác nguồn lợi thủy sản ven bờ.

**Câu 2**. Biển đông nằm trong vùng nội chí tuyến nên có đặc tính

 **A.** độ mặn không lớn.  **B**. nóng ẩm.

 **C.** có nhiều dòng hải lưu. **D.** biển tương đối lớn.

**Câu 3**. Biển đông trước hết ảnh hưởng trực tiếp nhất đến thành phần tự nhiên nào?

A.Đất đai. **B**. Khí hậu. **C**. Sông ngòi. **D**. Địa hình.

**Câu 4.** Ảnh hưởng lớn nhất của biển Đông đến khí hậu nước ta là

 **A.** làm cho khí hậu nước ta có sự phân hóa đa dạng.

 **B.** đem lại một mùa đông lạnh ở miền Bắc.

 **C.** cây cối sinh trưởng nhanh, xanh tốt quanh năm.

 **D.** mang lại lượng mưa và độ ẩm lớn, điều hòa khí hậu.

**IV THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA**

***Nhận biết*.**

**Câu 1:** Đặc điểm cơ bản nhất của khí hậu nước ta là

 **A.** khí hậu ôn đới hải dương. **B**. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

 **C.** khí hậu cận nhiệt đới gió mùa**. D.** khí hậu cận xích đạo gió mùa.

**Câu 2**. Lượng mưa trung bình năm ở nước ta là

 **A**. 1500 – 2000mm. **B**. 2000 – 2500mm.

 **C**. 2500 – 3000mm. **D**. 1000 – 1500mm.

**Câu 3**: Độ ẩm không khí của nước ta là

 **A**. 60%. **B**. 70%. **C**. 65%. **D.** trên 80%.

**Câu 4:** Ở sườn núi đón gió biển và các khối núi đá cao, lượng mưa trung bình năm có thể đạt

 **A.** 3500 – 4000mm.  **B**. 3000 – 3500mm.

 **C.** 2500 – 3000mm. **D**. 2000 – 2500mm.

**Câu 5**: Bao nhiêu phần trăm lưu lượng nước của sông ngòi nước ta nhận từ bên ngoài lãnh thổ ?

 **A.** 50%. **B**. 60%. **C.** 70%. **D**. 80%.

**Câu 6**: Hệ thống sông nào nước ta có hàm lượng phù sa lớn nhất ?

 **A**. Sông Mã. **B**. Sông Hồng.

 **C**. Sông Thu Bồn. **D**. Sông Mê Kông.

**Câu 8**. Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng có khí hậu

 **A**. ôn hòa. **B**. nóng ẩm. **C**. khô, lạnh. **D**. khô, nóng.

**Câu 9.** Gió thổi từ áp cao bắc ấn độ dương vào nước ta là

 **A**.Gió Tây Nam. **B**.Gió Mùa Tây Nam.

  **C**.Gió Mùa Đông Bắc. **D**.Tín Phong Bắc Bán Cầu.

**Câu 10**. Gió tây khô nóng ở trung bộ và nam tây bắc ở nước ta có nguồn gốc từ khối khí

 **A.** Chí tuyến Thái Bình Dương . **B.** Bắc Ấn Độ Dương.

 **C**. Chí tuyến nam bán cầu. **D.** Chí tuyến bắc bán cầu.

**Câu 11**. Gió mùa tây nam thổi vào nước ta có nguồn gốc từ khối khí

 **A.** Phía Bắc Lục Địa Á- Âu. **B.** Bắc Ấn Độ Dương.

 **C.** Chí tuyến nam bán cầu. **D.** Chí tuyến bán cầu bắc.

**Câu 12**. Gió mùa đông bắc thổi vào nước ta có nguồn gốc từ khối khí

  **A**.Tây Thái Bình Dương. **B.** Chí tuyến bán cầu nam.

 **C**. Bắc Ấn Độ Dương. **D.** Phương Bắc Lục Địa Á- Âu.

**Câu 13**. Gió mùa đông bắc hoạt động mạnh ở phía bắc nước ta đến giới hạn phía nam là

 **A**. dãy Tam Diệp. **B.** dãy Hoành Sơn.

 **C.** dãy Bạch Mã. **D**. khối Núi Kon-Tum.

**Câu 14**. Tính chất của gió mùa đông bắc vào đầu mùa đông ở nước ta

1. lạnh khô. **B**. lạnh ẩm. **C**. khô hanh. **D**. ẩm ướt.

**Câu 15**. Tính chất của gió mùa đông bắc vào nửa sau mùa đông ở nước ta

1. khô hanh. **B**. ấm áp. **C.** lạnh ẩm. **D**. lạnh khô.

**Câu 16**. Gió mùa tây nam khi thổi đến Bắc Bộ có hướng

1. Đông Bắc. **B.** Đông Nam. **C**.Tây Bắc. **D**. Tây Nam.

**Câu 17**. Biểu hiện nào sau đây **không** đúng với hiện tượng xâm thực mạnh ở miền đồi núi nước ta

 **A**. Bề mặt địa hình bị cắt xẻ.  **B**. Đất trượt đá lở.

  **C**. Địa hình cacxtơ. **D**. Các đồng bằng mở rộng.

**Câu 18**. Địa hình đồi núi nước ta bị xâm thực mạnh là do

 **A.** lượng mưa lớn theo mùa. **B**. mất lớp phủ thực vật.

 **C**. địa hình dốc. **D.** có nhiều đá vôi.

**Câu 19**. Biểu hiện địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

  **A**. ở miền đồi núi có địa hình dốc lớn. **B.** có nhiều đồng bằng rộng.

 **C**. xâm thực và bồi tụ phổ biến. **D**. có nhiều cao nguyên.

**Câu 20.** Bề mặt địa hình bị cắt xẻ, nhiều hẻm vực, khe sâu, đất bị bào mòn rửa trôi, các hiện tượng đất trượt, đá lở, không phải là kết quả của hiện tượng

 **A.** xâm thực đất đá trên sườn dốc. **B**. rửa trôi đất đá trên sườn dốc.

  **C**. sóng biển đập vào sườn dốc. **D.** bào mòn đất đá trên sườn dốc.

**Câu 21**. Địa hình nước ta bị xâm thực mạnh nên đất đá bị

  **A**. xói mòn, rửa trôi. **B**. rửa trôi, bồi tụ.

 **C**. bồi tụ, xói mòn. **D**. xói mòn, dịch chuyển.

**Câu 22**. Các vùng thềm phù sa cổ bị chia cắt thành các đồi thấp xem thung lũng mở rộng là do

  **A**. Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông. **B**. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

  **C**. Bồi tụ nhanh ở miền đồi núi. **D**. Xâm thực mạnh ở đồng bằng hạ lưu sông.

***THỒNG HIỂU.***

**Câu 1**: Nhân tố làm phá vỡ nền tảng nhiệt đới khí hậu nước ta và làm giảm sút nhiệt độ mạnh mẽ nhất là trong mùa đông là do

 **A.** gió mùa mùa đông. **B**. ảnh hưởng của biển.

  **C**. địa hình nhiều đồi núi. **D.** địa hình nhiều đồi núi và gió mùa.

**Câu 2**: Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là do

 **A.** vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á và tiếp giáp Biển Đông.

  **B**. vị trí nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới bán cầu Bắc, quanh năm nhận lượng bức xạ rất lớn của mặt trời.

 **C.** vị trí nước ta nằm trong vùng gió mùa giữa hai đường chí tuyến nên có lượng mưa lớn và góc nhập xạ lớn quanh năm.

 **D**. vị trí nước ta nằm ở vùng vĩ độ thấp nên nhận được nhiều nhiệt của mặt trời và vị trí tiếp giáp Biển Đông nên mưa nhiều.

**Câu 3**: Quá trình địa mạo chủ yếu chi phối đường bờ biển nước ta là

 **A.** tích tụ. **B**. mài mòn.

 **C**. xâm thực.  **D**. xâm thực, bồi tụ.

**Câu 4** :Ý nào sau đây **khôn*g***đúng về biểu hiện theo mùa của các yếu tố hải văn trên Biển Đông?

 **A**. Dòng biển nóng và lạnh chảy theo mùa.

 **B**. Nhiệt độ nước biển khác nhau giữa mùa khô và mùa mưa.

 **C**. Sóng trên Biển Đông mạnh vào thời kì gió mùa Đông Bắc.

 **D**. Độ mặn trung bình của nước biển tăng giảm theo mùa khô và mùa mưa.

**Câu 5**. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của Biển Đông đối với khí hậu nước ta

 **A**. Biển Đông mang lại một lượng mưa lớn.

 **B**. Biển Đông làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.

 **C.** Biển Đông làm tăng độ ẩm tương đối của không khí.

 **D**. Biển Đông làm giảm độ lục địa của các vùng phía tây .

**Câu 6**: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

 **A**. trong năm, Mặt Trời qua thiên đỉnh hai lần.

  **B**. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

 **C**. hàng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.

 **D**. trong năm, Mặt Trời luôn đứng cao trên đường chân trời.

**Câu 7**: Đặc điểm nào sau đây không đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

 **A**. Chỉ hoạt động ở miền Bắc.

  **B**. Thổi liên tục suốt mùa đông.

 **C.** Hầu như kết thúc ở dãy Bạch Mã.

 **D**. Tạo nên mùa đông có 2 – 3 tháng lạnh ở miền Bắc.

**Câu 8**: Gió thịnh hành trong mùa đông từ vĩ tuyến 160B trở vào là

 **A**. gió mùa Đông Bắc thổi từ cao áp cận cực.

 **B**. gió Tây Nam thổi từ cao áp ở Ấn Độ Dương.

 **C.** gió Tín Phong nửa cầu Bắc thổi theo hướng đông bắc.

 **D.** gió Tây Nam thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Nam.

**Câu 9**: Thời tiết rất nóng và khô ở ven biển Trung Bộ và phần nam khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây ?

 **A**. Gió Mậu dịch Bắc bán cầu**. B.** Gió Mậu dịch Nam bán cầu.

 **C.** Gió mùa Tây Nam. **D.** Gió phơn Tây Nam.

**Câu 10**: Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình hiện tại của nước ta là

**A.** xâm thực – bồi tụ. **B**. xâm thực**. C.** bồi tụ. **D.** bồi tụ - xâm thực.

**Câu 11**: Nơi có sự bào mòn, rửa trôi đất đai mạnh nhất là

 **A**. đồng bằng. **B.** trung du. **C**. miền núi. **D**. ven biển.

**Câu 12**: Quá trình hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại được biểu hiện là

 **A**. hiện tượng xâm thực. **B.** thành tạo địa hình cacxto.

 **C.** hiện tượng bào mòn, rửa trôi đất. **D**. đất trượt, đá lở ở sườn dốc.

**Câu 13**: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được qui định bởi vị trí địa lí

 **A.** tiếp giáp với vùng biển rộng lớn. **B.** nằm ở bán cầu Đông trên trái đất.

 **C.** có tầng bức xạ lớn**. D.** nằm trong vùng nội chí tuyến.

**Câu 14**: Phát biểu nào sau đây không đúng với tác động của gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta?

 **A**. Nửa đầu mùa đông lạnh khô.  **B**. Nửa sau mùa đông lạnh ẩm.

 **C**. Tạo nên một mùa đông lạnh. **D**. Tạo nên một mùa khô sâu sắc.

**Câu 15**. Phát biểu nào sau đây không đúng về ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

  **A**. Mang lại lượng mưa lớn và độ ẩm cao.

 **B.** Giảm tính chất lạnh khô trong mùa đông.

 **C**. Tạo nên sự phân mùa cho khí hậu nước ta.

 **D**. Làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

**Câu 16.** Biểu hiện nào sau đây không đúng với hiện tượng xâm thực mạnh ở miền đồi núi nước ta?

 **A.** Hình thành địa hình Cacxto. **B.** Hiện tượng đất trượt, đá lở.

 **C**. Các đồng bằng mở rộng. **D.** Bề mặt địa hình bị cắt xẻ.

***Vận dụng***

**Câu 1**. Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có

 **A.** mưa nhiều vào thu đông. **B.** lượng bức xạ Mặt Trời lớn.

 **C**. thời tiết đầu hạ khô nóng. **D**. hai mùa khác nhau rõ rệt.

**Câu 2.** Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

 **A.** nhiệt độ đồng nhất khắp nơi. **B**. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.

 **C**. một mùa đông lạnh và ít mưa. **D**. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.

**Câu 3**. Các khối khí di chuyển qua biển làm cho khí hậu nước ta có

 **A.** nhiệt độ trung bình cao. **B.** độ ẩm không khí lớn.

 **C**. sự phân mùa sâu sắc. **D**. địa hình nhiều đồi núi.

**Câu 4**. Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

 **A**. tổng bức xạ trong năm lớn. **B**. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.

 **C**. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh. **D**. nền nhiệt độ cả nước cao.

**Câu 5**. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nên có

 **A**. mùa đông lạnh và kéo dài. **B**. độ ẩm cao, lượng mưa lớn.

 **C**. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.  **D.** hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

**Câu 6**. Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có

 **A.** mưa lớn vào đầu mùa hạ. **B**. lượng bức xạ Mặt Trời lớn.

 **C.** hai mùa khác nhau rõ rệt. **D**. mưa nhiều vào thu đông.

**Câu 7**. Tín phong bán cầu Bắc làm cho khí hậu vùng ven biển Trung Bộ nước ta có

 **A.** mưa lớn vào đầu mùa hạ. **B.** lượng bức xạ Mặt Trời lớn.

 **C.** hai mùa khác nhau rõ rệt. **D**. mưa nhiều vào thu đông.

**Câu 8**: Vùng biển chịu ảnh hưởng mạnh nhất của sóng trên Biển Đông ở nước ta là

 **A**. Bắc Bộ. **B**. Nam Bộ.

 **C.** Trung Bộ. **D**. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 9**: Lượng cát bùn lớn trong các dòng sông gây nên trở ngại chủ yếu là

 **A.** làm ô nhiễm nguồn nước ngọt.

 **B**. bồi lắng xuống lòng sông làm cạn các luồng lạch giao thông.

 **C**. bồi lắng nhiều vật liệu cho đồng bằng sông ở hạ lưu sông vào mùa hạ.

 **D**. gây cản trở cho việc cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

**Câu 10**. Nguyên nhân làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là

 **A**. khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi thấp.

 **B**. khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi.

 **C.** mưa theo mùa, xói mòn nhiều, địa hình nhiều đồi núi.

 **D**. địa hình nhiều đồi núi, mưa lớn và tập trung vào một mùa.

**Câu 11**: Nhân tố làm phá vỡ nền tảng nhiệt đới của khí hậu nước ta và làm giảm sút nhiệt độ mạnh mẽ, nhất là trong mùa đông là do

 **A.** địa hình nhiều đồi núi. **B**. gió mùa mùa đông.

 **C.** địa hình và gió mùa.  **D**. ảnh hưởng của biển.

***Vận dụng cao***

**Câu 1**. Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

 **A**. gió phơn Tây Nam. **B**. Tín phong bán cầu Bắc.

 **C**. gió mùa Đông Bắc. **D**. gió mùa Tây Nam.

**Câu 2**. Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở nước ta là

 **A**. gió phơn Tây Nam. **B**. Tín phong bán cầu Bắc.

  **C**. gió mùa Đông Bắc. **D.** gió mùa Tây Nam.

**Câu 3**. Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Nam Bộ là

 **A.** gió phơn Tây Nam. **B.** gió mùa Đông Bắc.

 **C**. gió mùa Tây Nam. **D.** Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 4**. “Gió mùa Đông Nam” hoạt động ở Bắc Bộ có nguồn gốc từ

 **A.** áp cao cận chí tuyến bán cầu Bắc.

 **B**. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

 **C**. khối khí cực lục địa từ áp cao Xibia.

 **D**. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.

**Câu 5**. Nhân tố chủ yếu làm cho đất feralit ở nước ta có lớp đất dày là do

  **A**. nhiệt ẩm dồi dào. **B**. mùa mưa kéo dài.

 **C**. mùa khô sâu sắc. **D.** khí hậu phân mùa.

**Câu 6.** Nhân tố chủ yếu làm cho đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng là do

  **A**. nhiệt ẩm dồi dào. **B**. mùa mưa kéo dài.

 **C.** mùa khô sâu sắc. **D**. khí hậu phân mùa.

**Câu 7**. Khí hậu phần đất liền nước ta mang nhiều đặc tính hải dương chủ yếu do

  **A**. nằm hoàn toàn ở trong vùng nội chí tuyến.

 **B**. ở khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.

 **C.** tác động của các khối khí di chuyển qua biển.

 **D**. giáp Biển Đông và thông ra Thái Bình Dương.

**Câu 8**: Trở ngại lớn nhất của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp ở nước ta là do

 **A**. nóng, ẩm quanh năm. **B**. diễn biến thất thường.

 **C**. mưa đá trên diện rộng. **D**. phân hóa theo vùng.

**Câu 9**: Sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn chủ yếu do

 **A**. địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế và lượng mưa lớn

 **B**. thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.

 **C.** lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.

 **D**. mưa lớn và nguồn nước từ bên ngoài lãnh thổ chảy vào.

**Câu 10**. Ven biển Nam Trung Bộ thuận lợi cho nghề làm muối chủ yếu do

 **A**. có nhiệt độ cao, nhiều nắng, sông nhỏ.

 **B**. bờ biển dài, nhiều vũng vịnh nước sâu.

 **C**. mùa mưa kéo dài, nhiều vịnh cửa sông.

 **D**. có bãi triều rộng, nhiều đảo và quần đảo.

**Câu 11**. Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

 **A**. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh. **B.** khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.

 **C**. tổng lượng bức xạ trong năm lớn. **D.** nhiệt độ trung bình cả nước cao.

**Câu 12**. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc chủ yếu do

 **A**. khí hậu phân mùa, lãnh thổ hẹp ngang

 **B**. xâm thực, bóc mòn mạnh ở miền đồi núi.

 **C**. mưa lớn, địa hình đồi núi chia cắt mạnh.

 **D.** chế độ nước theo mùa, giáp Biển Đông.

**Câu 13.** Mưa vào mùa hạ ở nước ta chủ yếu do tác động của

 **A.** Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.

 **B**. gió mùa tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương và bão.

 **C**. khối khí hướng đông bắc và hoạt động của bão.

 **D**. gió mùa Tây Nam kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới.

**V. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG**

**Nhận biết**

**Câu 1:** Nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc là

 **A.** trên 200C. **B**. dưới 200C.

  **C**. trên 250C. **D**. dưới 250C.

**Câu 2:** Nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Nam là

 **A**. trên 200C.  **B**. dưới 250C.

 **C**. trên 250C. **D**. trên 260C.

**Câu 3:** Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc có mấy tháng nhiệt độ trung bình dưới 180C?

 **A**. 2 – 3 tháng.  **B**. 3 – 4 tháng.

 **C**. 2 – 4 tháng. **D.** 4 – 5 tháng.

**Câu 4:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc ở nước ta là

 **A.** á nhiệt đới lá rộng. **B.** đới rừng nhiệt đới gió mùa.

 **C.** đới rừng nhiệt đới. **D.** đới rừng xích đạo.

**Câu 5:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Namở nước ta là

 **A.** á nhiệt đới lá rộng. **B.** đới rừng nhiệt đới gió mùa.

 **C.** đới rừng cận xích đạo gió mùa. **D.** đới rừng xích đạo.

**Câu 6**: Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc đặc trưng cho vùng khí hậu

  **A**. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông ấm.

 **B.** cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.

 **C**. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

 **D**. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.

**Câu 7**: Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam mang đặc điểm vùng khí hậu

 **A**. nhiệt đới ẩm gió mùa. **B.** cận nhiệt đới gió mùa .

 **C**. xích đạo gió mùa. **D.** cận xích đạo gió mùa.

**Câu 8**: Phần lãnh thổ phía Bắc thành phần loài sinh vật nào chiếm ưu thế?

 **A.** Nhiệt đới. **B**. Cận nhiệt đới. **C.** Ôn đới.  **D**. Xích đạo.

**Câu 9:** Dải đồng bằng ven biển miền Trung có đặc điểm

 **A.** mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng nông.

 **B.** đất đai màu mỡ, thiên nhiên phân hóa đa dạng.

 **C**. thu hẹp về phía nam, thiên nhiên trù phú.

 **D**. hẹp ngang bị chia thành nhiều đồng bằng nhỏ, thiên nhiên khắc nghiệt.

**Câu 10:** Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc mang sắc thái của vùng khí hậu

 **A**. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

 **B**. ôn đới gió mùa trên núi.

 **C**. cận xích đạo gió mùa với hai mùa mưa, khô.

 **D**. cận nhiệt đới gió mùa.

**Câu 11:** Thiên nhiên vùng núi cao Tây Bắc mang sắc thái của vùng khí hậu

 A. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

 **B.** ôn đới gió mùa trên núi.

  **C**. cận xích đạo gió mùa với hai mùa mưa, khô.

  **D**. cận nhiệt đới gió mùa.

**Câu 12:** Thiên nhiên vùng nam Tây Bắc mang sắc thái của vùng khí hậu

 **A.** nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. **B.** ôn đới gió mùa trên núi.

  **C**. nhiệt đới gió mùa. **D**. cận nhiệt đới gió mùa.

**Câu 13:**Theo chiều từ tây sang đông, thiên nhiên nước ta chia thành các bộ phận theo thứ tự nào dưới đây?

 **A**. Vùng biển, thềm lục địa; đồng bằng; đồi núi.

 **B**. Vùng đồng bằng; biển, thềm lục địa; đồi núi.

  **C**. Vùng đồi núi; đồng bằng; biển, thềm lục địa.

 **D**. Vùng đồng bằng; đồi núi; biển, thềm lục địa.

**Câu 14.** Đồng bằng ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm nào dưới đây?

 **A**. Mở rộng về phía Nam.  **B.** Thu hẹp dần về phía Nam.

 **C.** Kéo dài liên tục theo chiều Bắc - Nam. **D**. Phân bố xen kẽ các cao nguyên .

**Câu 15.**Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm khí hậu nào dưới đây?

  **A**. Nóng, ẩm quanh năm.  **B.** Tính chất cận xích đạo.

  **C**. Tính chất ôn hòa. **D**. Khô hạn quanh năm.

**Câu 16.** Độ cao 2400 - 2600m ở nước ta có kiểu khí hậu nào dưới đây?

 **A.** Xích đạo. **B**. Nhiệt đới. **C**. Cận nhiệt.  **D**. Ôn đới.

**Câu17.** Sự phân chia mùa khí hậu thành mùa mưa và mùa khô ở phần lãnh thổ phía Nam đặc biệt rõ nét trong phạm vi nào dưới đây?

 **A**. 160B trở vào.  **B.** 160B trở ra.

 **C.** 140B trở vào. **D.** 140B -160B.

**Câu 18:** Ranh giới của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

 **A.** dãy Bạch Mã trở vào Nam.

 **B.** hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

 **C.** dọc theo tả ngạn sông Hồng.

 **D**. Từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc.

**Câu 19:** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có giới hạn từ

 **A**. từ dãy Bạch Mã trở vào Nam

 **B**. từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

  **C**. dọc theo tả ngạn sông Hồng.

 **D**. từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc

**Câu 20.** Đây là một đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

 **A**. đai cao á nhiệt đới ở mức 1 000 m.

 **B.** vòng cung là hướng chính của các dãy núi và các dòng sông.

  **C**. là miền duy nhất có địa hình núi cao với đầy đủ các đai cao.

  **D**. địa hình khá phức tạp với các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên.

**Câu 21.** Đây là đặc điểm cơ bản của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

  **A**. có đủ núi cao, núi trung bình, sơn nguyên, cao nguyên, đồng bằng, lòng chảo, thung lũng.

  **B**. có mối quan hệ với Vân Nam về cấu trúc địa chất, là sự suy giảm ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.

 **C**. sự đa dạng phong phú về tài nguyên thiên nhiên đặc biệt là nguồn khoáng sản.

  **D**. hướng nghiêng chung của địa hình là tây bắc - đông nam với những dãy núi đứng chênh vênh trên bờ biển.

**Câu 22 .** Khoáng sản nổi bật nhất của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

 A. than đá và Apatit B. dầu khí và bôxit

 C. vật liệu xây dựng và quặng sắt D. thiếc và khí tự nhiên.

**Câu 23**. Các loài thực vật đỗ quyên ,lãnh sam,thiết sam phát triển ở đai cao nào ?

 **A.** Đai nhiệt đới gió mùa **B.** Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi

 **C**. Đai ôn đới gió mùa trên núi  **D**. Đai cận nhiệt đới và ôn đới.

**Câu 24**. Đất feralit có mùn phát triển ở vùng nào sau đây?

 **A**. Đồi núi thấp dưới 1000 m

 **B.** Trung du và bán bình nguyên

 **C**. Núi cao trên 2400 m

 **D.** Núi có độ cao từ 600 - 700 m – 1600 - 1700 m.

**Câu 25**.Nh óm đất có diện tích lớn trong đai cận nhiệt đới gió mùa chân núi là

 **A.** đất đồng bằng .  **B**. đất feralit có mùn .

 **C**. đất feralit**. D.** đất mùn và feralit có mùn.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Đặc điểm chung về tự nhiên của vùng đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ nước ta là

 **A**. mở rộng với bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng và nông.

 **B**. gồm nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, đường bờ biển khúc khuỷu.

 **C**. tiếp giáp với cácvùng biển sâu, thềm lục địa thu hẹp nhanh.

 **D.** thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai đa dạng song kém màu mỡ.

**Câu 2:** Đặc điểm thiên nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

 **A.** có mùa đông lạnh, các loài thực vật phương Bắc chiếm ưu thế.

 **B**. gió mùa Đông Bắc suy giảm ảnh hưởng, tính nhiệt đới tăng dần.

 **C.** đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích, có bốn cánh cung núi lớn.

 **D**. biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ, có mùa mưa và khô rõ rệt.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm thiên nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

 **A**. Địa hình cao và trung bình chiếm ưu thế.

 **B.** Dải đồng bằng thu hẹp và chia cắt mạnh.

 **C**. Có mặt thành phần thực vật phương Nam.

 **D**. Thành phần sinh vật ôn đới chiếm ưu thế.

**Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đai ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta?

 **A.** Duy nhất có ở vùng núi Tây Bắc.

 **B.** Nhiệt độ quanh năm dưới 150C.

 **C**. Diện tích đất feralit có mùn lớn.

 **D.** Các sinh vật ôn đới chiếm ưu thế.

**Câu 5:** Tính nhiệt đới ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tăng dần về phía Nam **không** phải là do

 **A**. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc bị giảm sút.

  **B**. càng gần xích đạo nên lượng bức xạ càng tăng.

 **C**. ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam khô nóng.

 **D.** Tín phong Đông Bắc thổi ổn định quanh năm.

**Câu 6:** Phần lãnh thổ phía Nam dãy Bạch Mã nước ta **không** có mùa đông lạnh chủ yếu do

 **A.** vị trí giáp biển Đông, gió mùa Đông Bắc hoạt động yếu.

 **B**. vị trí nằm gần xích đạo, nhận được lượng bức xạ rất lớn.

 **C.** Tín phong thống trị, gió mùa Đông Bắc không ảnh hưởng.

 **D**. nhận được lượng bức xạ lớn, gió mùa Đông Bắc biến tính.

**Câu 7:** Sự tương phản hai mùa mưa - khô của Đông Trường Sơn và Tây Nguyên vào thời kì thu đông là do tác động của dãy núi

  **A**. Trường Sơn Bắc với gió phơn Tây Nam.

 **B**. Trường Sơn Nam với gió mùa Đông Bắc.

 **C**. Trường Sơn Nam với Tín phong bán cầu Bắc.

 **D**. Trường Sơn Nam với Tín phong bán cầu Nam.

**Câu 8:** Điểm khác biệt của vùng khí hậu Nam Bộ so với Nam Trung Bộ là

  **A**. mùa mưa đến sớm, ít ảnh hưởng bão.

 **B**. khí hậu chia thành hai mùa mưa - khô.

 **C**. nhiệt độ cao, không có mùa đông lạnh.

  **D.** khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm.

**Câu 9.**“Miền có cấu trúc địa chất địa hình phức tạp, gồm các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên và cao nguyên ba dan, đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển”. Đó là đặc điểm của vùng

 **A.** Bắc và Đông Bắc. **B**. Tây Bắc

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D**. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**Câu 10.**“ Xói mòn rửa trôi đất ở vùng núi, lũ lụt trên diện rộng ở đồng bằng và hạ lưu các sông lớn trong mùa mưa, thiếu nước nghiêm trọng trong mùa khô”. Đó là khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất ở vùng

 **A**. Bắc và Đông Bắc. **B**. Tây Bắc.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D**. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**Câu 11.**Sự bất thường của nhịp điệu mùa khí hậu, của dòng chảy sông ngòi và tính bất ổn định cao của thời tiết là những trở ngại lớn trong việc sử dụng thiên nhiên của vùng

 **A.** Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ  **B**. Tây Bắc.

  **C**. Bắc Trung Bộ. **D**. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**Câu 12:** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với miền khí hậu phía Bắc?

 **A.** Độ lạnh tăng dần về phía nam.

 **B**. Mùa mưa chậm dần về phía nam.

 **C**. Tính bất ổn rất cao của thời tiết và khí hậu.

 **D**. Biên độ nhiệt độ trong năm cao.

**Câu 13.** Sự phân mùa khí hậu ở phần lãnh thổ phía Bắc được biểu hiện như thế nào?

 **A.** Mùa mưa và mùa khô.  **B**. Mùa đông và mùa hạ.

 **C**. Nóng quanh năm.  **D**. Không rõ rệt.

**Câu 14.** Sự phân mùa khí hậu ở phần lãnh thổ phía Nam được biểu hiện như thế nào?

 **A**. Mùa mưa và mùa khô.  **B**. Mùa đông và mùa hạ.

 **C**. Nóng quanh năm.  **D**. Không rõ rệt.

**Câu 15.** Đặc trưng khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc là

 **A.** cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.

 **B**. cận xích đạo gió mùa.

 **C.** nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.

 **D**. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

**Câu 15.** Thiên nhiên nước ta có sự khác nhau giữa hai miền Nam, Bắc **không phải** do sự khác nhau về

 **A**. lượng mưa.  **B**. số giờ nắng.

 **C.** lượng bức xạ. **D**. nhiệt độ trung bình.

**Câu 16:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra)?

 **A**. Trong năm có một mùa đông lạnh.

 **B**. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18oC.

 **C**. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.

 **D.** Nhiệt độ trung bình năm trên 20oC.

**Câu 17:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thiên nhiên của phần lãnh thổ phía Nam nước ta (từ dãy Bạch Mã trở vào)?

 **A.** Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.

 **B.** Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.

 **C.** Nhiệt độ trung bình năm trên 25oC.

 **D**. Đới rừng cận nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 18:** Phát biểu nào sau đây đúng với thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra)?

 **A**. Phần lớn sinh vật di cư từ phương Nam lên và phía tây sang.

  **B**. Xuất hiện nhiều loài thực vật họ Dầu, rừng thưa nhiệt đới khô.

  **C**. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa, 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 180C.

 **D.** Nhiệt độ trung bình năm trên 200C, loài nhiệt đới chiếm ưu thế.

**Câu 19:** Thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

  **A**. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền.

 **B**. Đường bờ biển Nam Trung Bộ bằng phằng.

  **C**. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.

 **D**. Thềm lục địa phía bắc và phía nam nông, mở rộng.

**Câu 20**. Hệ sinh thái nào sau đây không thuộc đai nhiệt đới gió mùa chân núi ?

  **A**. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

 **B**.Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới phát triển trên đất feralit có mùn .

 **C.** Hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh trên đá vôi .

 **D**. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh .

**Câu 21:** Đặc điểm nào ***không đúng*** với khí hậu phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

 **A.** Biên độ nhiệt năm cao. **B.** Nóng đều quanh năm.

 **C.** Có hai mùa mưa và khô rõ rệt. **D.** Tính chất cận xích đạo gió mùa

**Vận dụng**

**Câu 1:** Cho biểu đồ

Nhận xét nào sau đây ***đúng*** với biểu đồ trên?

 **A.** Sự phân mùa trong chế độ mưa của Huế không sâu sắc.

 **B.** Nhiệt độ trung bình năm của Huế không cao, chưa đạt tiêu chuẩn vùng nhiệt đới.

 **C.** Tháng có nhiệt độ cao nhất của Huế là tháng có lượng mưa lớn nhất.

 **D.** Huế có tổng lượng mưa lớn, mùa mưa lệch dần về thu đông.

**Câu 2:** Dựa vào biểu đồ

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CỦA HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nhận xét nào sau đây ***không*** đún***g*** với biểu đồ trên?

 **A.** Hà Nội có biên độ nhiệt năm lớn, Thành phố Hồ Chí Minh có biên độ nhiệt năm nhỏ.

 **B.** Nhiệt độ trung bình năm Thành phố Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội.

 **C.** Chế độ mưa của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đều có sự phân mùa.

 **D.** Sự phân mùa trong chế độ mưa của Hà Nội sâu sắc hơn Thành phố Hồ Chí Minh

**Câu 3:** Cho bảng số liệu: **Chế độ nhiệt ở một số địa điểm (0C).**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ TB tháng 1** | **Nhiệt độ TB thấp nhất** | **Biên độ nhiệt năm** |
| Hà Giang (118m) | 15,5 | 2,2 | 11,8 |
| Hữu Lũng (40m) | 13,7 | -2,1 | 13,3 |
| Lai Châu (224m) | 17,3 | 4,9 | 9,2 |
| Hà Nội (5m) | 16,6 | 2,7 | 12,2 |

Nhận xét và giải thích nào sau đây ***không đúng*** với bảng số liệu trên?

 **A.** Nhiệt độ trung bình tháng 1 thấp dưới tiêu chuẩn nhiệt đới.

 **B.** Nhiệt độ các địa phương thuộc vùng Đông Bắc thấp hơn vùng Tây Bắc

 **C.** Biên độ nhiệt năm khá cao.

 **D.** Biên độ nhiệt độ năm tăng dần theo vĩ độ.

**Câu 4:** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (0C)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Tháng****Địa****điểm** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** | **Trung bình năm** |
| Hà Nội | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 | 23,5 |
| TP. Hồ Chí Minh | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,1 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 | 27,1 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diễn biến nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là

 **A.** biểu đồ đường. **B.** biểu đồ tròn.

 **C.** biểu đồ cột. **D.** biểu đồ miền.

**Câu 5:** Cho bảng số liệu: **Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng ở Huế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** | **Trung bình năm** |
| Nhiệt độ(oC) | 19,7 | 20,9 | 23,2 | 26,0 | 28,0 | 29,2 | 29,4 | 28,8 | 27,0 | 25,1 | 23,2 | 20,8 | 25,1 |
| Lượng mưa(mm) | 161,3 | 62,6 | 47,1 | 51,6 | 82,1 | 116,7 | 95,3 | 104,0 | 473,4 | 795,6 | 580,6 | 297,4 | 2868,0 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện biến trình nhiệt độ và lượng mưa của Huế là

**A.** biểu đồ đường. **B.** biểu đồ tròn. **C.** biểu đồ cột **D.** biểu đồ kết hợp

**Câu 6:** Cho bảng số liệu: ***Nhiệt độ trung bình tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (Đơn vị: 0C)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| Hà  Nội | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| Tp. Hồ Chí Minh | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,1 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 |

Nhận xét nào sau đây ***không đúng*** với bảng số liệu trên?

**A.** Hà Nội có nền nhiệt độ thấp hơn Thành phố Hồ Chí Minh.

**B.** Hà Nội có biên độ nhiệt năm cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh

**C.** Nhiệt độ trung bình năm Hà Nội cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh.

**D.** Tháng có nhiệt độ cao nhất của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh không giống nhau.

**Câu 7:** Cho bảng số liệu : ***Nhiệt độ trung bình năm tại các địa điểm ở nước ta***

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình năm(oC)** |
| Lạng Sơn | 21,2 |
| Hà Nội | 23,5 |
| Huế | 25,1 |
| Đà Nẵng | 25,7 |
| Quy Nhơn | 26,8 |
| Tp. Hồ Chí Minh | 27,1 |

Nhận xét nào sau đây ***không*** đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Nhiệt độ trung bình năm có sự khác nhau giữa các địa phương.

**B.** Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

**C.** Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.

**D.** Nhiệt độ trung bình năm của các địa phương đều trên 200C.

**Câu 8:** Dựa vào bảng số liệu: ***Nhiệt độ trung bình và biên độ nhiệt năm của ba địa điểm ở nước ta.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Hà Nội** | **Huế** | **TP. Hồ Chí Minh** |
| Nhiệt độ (0C)  | 23,4 | 25,1 | 26,9 |
| Biên độ nhiệt (0C) | 12,5 | 9,7 | 3,1 |

Nhận xét nào sau đây **không đ**úng?

**A.** Hà Nội có nhiệt độ trung bình thấp nhất, biên độ nhiệt năm cao nhất.

**B.** Huế có nhiệt độ trung bình và biên độ nhiệt năm trung bình.

**C.** Hà Nội có nhiệt độ trung bình và biên độ nhiệt năm cao nhất.

**D.** TP. Hồ Chí Minh có nhiệt độ trung bình cao nhất, biên độ nhiệt năm thấp nhất.

**Câu 9:** Dựa vào bảng số liệu: **Lượng mưa của một số địa điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa điểm** | **Lượng mưa ( mm)** |
| Hà Nội | 1676 |
| Huế | 2868 |
| Thành phố Hồ Chí Minh | 1931 |

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Hà Nội có lượng mưa lớn nhất.

**B.** Huế có lượng mưa lớn nhất, Hà Nội có lượng mưa nhỏ nhất.

**C.** Thành phố Hồ Chí Minh có lượng mưa lớn hơn Hà Nội.

**D.** Huế có lượng mưa lớn nhất, Thành phố Hồ Chí Minh có lượng mưa lớn thứ hai , Hà Nội có lượng mưa nhỏ nhất.

**Câu 10:** Dựa vào bảng số liệu: **Nhiệt độ trung bình năm từ Bắc vào Nam**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình năm (o C)** |
| Lạng Sơn | 21,2 |
| Hà Nội | 23,5 |
| Vinh | 23,9 |
| Huế | 25,1 |
| Quy Nhơn | 26,8 |
| TP Hồ Chí Minh | 27,1 |

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

**B.** Nhiệt độ trung bình năm không có sự thay đổi.

**C.** Nhiệt độ trung bình năm có sự thay đổi thất thường.

**D.** Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.

**VẬN DỤNG CAO**

**Câu 1:** Nguyên nhân cơ bản tạo nên sự phân hóa khí hậu giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam là

 **A.** có nhiều dãy núi sát biển, lãnh thổ hẹp ngang.

 **B.** càng vào namlượng bức xạ càng tăng, ảnh hưởng khối khí lạnh giảm.

 **C.** càng vào Nam càng gần xích đạo, có sự tác động mạnh mẽ của gió Tây Nam.

 **D.** sự di chuyển của dải hội tụ, sự suy giảm ảnh hưởng của khối khí lạnh.

**Câu 2**: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn phía Nam vì phía Bắc

 **A**. gần chí tuyến**. B.** có một mùa đông lạnh.

 **C**. có mùa hạ và gió phơn Tây Nam. **D**. gần chí tuyến có mùa đông lạnh.

**Câu 3:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên vùng đồi núi nước ta phân hóa đa dạng là do

 **A**. độ cao của các dãy núi. **B**. gió mùa và hướng các dãy núi.

 **C**. ảnh hưởng của biển. **D**. chế độ khí hậu của các vùng.

**Câu 4.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về Nam Trung Bộ và Nam Bộ ?

 **A.** Sự tương phản về địa hình, khí hậu, thuỷ văn được biểu hiện rất rõ nét.

 **B**. Khí hậu rất thuận lợi cho sự phát triển các loại cây họ dầu.

 **C**. Mưa tập trung vào thu đông, chịu ảnh hưởng của gió tây khô nóng.

 **D**. Có khí hậu cận Xích đạo thuộc đới rừng gió mùa cận Xích đạo.

**Câu 5**.Sự hiện diện của dãy Trường Sơn đã làm cho địa hình vùng Bắc Trung Bộ

  **A**. chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn các vùng khác.

 **B.** có mùa mưa chậm dần sang thu đông và gió tây khô nóng.

 **C**. có nhiều ưu thế để phát triển mạnh ngành chăn nuôi.

 **D.** đồng bằng bị thu hẹp và chia cắt thành các đồng bằng nhỏ.

**Câu 6.** Điểm khác nhau cơ bản giữa miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ với miền Bắc, Đông Bắc và miền Tây Bắc, Bắc Trung Bộ là

 **A.** cấu trúc địa chất và địa hình.

 **B**. cấu trúc địa hình và hướng sông ngòi.

 **C**. chế độ mưa và thuỷ chế sông ngòi.

 **D**. đặc điểm về khí hậu.

 **Câu 7:** Sự khác nhau cơ bản giữa khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam nước ta (ranh giới là dãy Bạch Mã) **không** phải về

 **A.** tổng lượng bức xạ, cán cân bức xạ Mặt Trời.

 **B.** tổng số giờ nắng, tổng nhiệt hoạt động năm.

 **C**. nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt năm.

 **D**. lượng mưa trung bình năm, cân bằng độ ẩm.

 **Câu 8:** Sự khác nhau về mùa khí hậu giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do tác động kết hợp của

 **A**. các loại gió và dãy Trường Sơn Nam.

 **B**. dải hội tụ nhiệt đới và các cao nguyên.

 **C**. bão và các đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.

 D. Tín phong bán cầu Bắc và các đỉnh núi.

**Câu 9:** Thiên nhiên vùng núi Tây Bắc khác với Đông Bắc ở đặc điểm nào sau đây?

  **A**. Mùa đông đến sớm hơn ở vùng núi thấp.

 **B**. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.

 **C.** Mùa đông nhiệt độ hạ thấp, mưa nhiều hơn.

  **D**. Khí hậu lạnh chủ yếu do gió mùa Đông Bắc.

**Câu 10:** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đai ôn đới gió mùa trên núi chủ yếu do

  **A**. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông nhiệt độ hạ thấp.

 **B**. ở gần khu vực ngoại chí tuyến có cả khí hậu cận nhiệt và ôn đới.

  **C**. có những núi trên 2600m tập trung nhiều ở dãy Hoàng Liên Sơn.

  **D**. có các loài động, thực vật ôn đới từ phía Bắc di cư và di lưu tới.

**Câu 11.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

 **A.** bão lụt với tần suất lớn, trượt lở đất, khô hạn.

  **B**. sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu và dòng chảy sông ngòi.

  **C**. thời tiết rất bất ổn định, dòng chảy sông ngòi thất thường.

 **D**. xói mòn, rửa trôi đất, lũ lụt trên diện rộng, thiếu nước vào mùa khô.

**Câu 12 .**Đây là điểm giống nhau giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc Bắc Trung Bộ

 **A**. đều có hướng nghiêng chung của địa hình là tây bắc - đông nam.

 **B**. đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc nên có mùa đông lạnh.

 **C**. đều có địa hình núi cao chiếm ưu thế nên có đầy đủ hệ thống đai cao.

 **D.** đều có sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu và dòng chảy sông ngòi

**VI. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TỰ NHIÊN**

**Nhận biết**

**Câu 1:** Ở nước ta rừng được chia thành các loại

**A.** rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, vườn quốc gia.

**B**. vườn quốc gia, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

**C.** rừng sản xuất, vườn quốc gia, rừng phòng hộ.

**D.** rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

**Câu 2:** Biểu hiện nào cho thấy tài nguyên rừng hiện nay của nước ta bị suy giảm?

**A**. Diện tích rừng ngày càng giảm.

**B**. Độ che phủ rừng giảm rất mạnh.

**C.** Chủ yếu là rừng non mới phục hồi.

**D**. Diện tích rừng tự nhiên còn ít.

**Câu 3:** Hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc loại rừng

**A.** sản xuất.  **B**. đặc dụng.

**C**. phòng hộ. **D**. đầu nguồn.

**Câu 4:** Ở nước ta, việc duy trì phát triển độ phì, chất lượng đất rừng là nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển của rừng

**A.** đặc dụng. **B**. phòng hộ.

**C.** sản xuất.  **D**. ven biển.

**Câu 5:** Nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển rừng đặc dụng là

**A**. nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc.

**B**. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

**C**. duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng rừng.

**D.** bảo vệ cảnh quan, đa dạng về sinh vật của các vườn quốc gia.

**Câu 6:** Tính đa dạng sinh học của nước ta **không** thể hiện ở

**A.** thành phần loài.  **B**. hệ sinh thái.

**C**. nguồn gen. **D.** vùng phân bố.

**Câu 7:** Sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta **không** có biểu hiện nào dưới đây?

**A**. Số lượng loài. **B**. Hệ sinh thái.

**C**. Thể trạng các cá thể. **D**. Nguồn gen quý hiếm.

**Câu 8:** Biện pháp nào dưới đây sử dụng để bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta?

**A**. Cải tạo đất hoang, đồi núi trọc. **B.** Ban hành sách Đỏ Việt Nam.

**C**. Cấm tuyệt đối việc khai thác. **D.** Áp dụng biện pháp nông-lâm.

**Câu 9:** Loài có số lượng suy giảm nhanh chóng nhất nước ta hiện nay là

**A.** thực vật. **B**. chim. **C**. cá**. D.** bò sát.

**Câu 10:** Loại đất cần phải cải tạo chiếm tỉ lệ lớn nhất ở nước ta hiện nay la

**A**. phèn. **B**. mặn.  **C**. xám bạc màu. **D**. than bùn.

**Câu 11:** Biện pháp nào sau đây nhằm bảo vệ tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta?

**A**. Ngăn chặn nạn du canh, du cư.

**B**. Áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.

**C**. Làm ruộng bậc thang, đào hố vảy cá.

**D**. Canh tác hợp lí, chống bạc màu, glây.

**Câu 12:** Biện pháp cải tạo đất hoang, đồi núi trọc ở nước ta là

**A**. bón phân thích hợp.

**B.** nông - lâm kết hợp.

**C**. đẩy mạnh thâm canh.

**D**. tiến hành tăng vụ.

**Câu 13:** Hình thức canh tác nào sau đây **không** sử dụng để hạn chế xói mòn trên đất dốc?

**A**. Làm ruộng bậc thang. **B**. Đào hố vẩy cá.

**C**. Trồng cây theo băng. **D.** Bón phân cải tạo đất.

**Câu 14:** Biện pháp để cải tạo đất nông nghiệp ở đồng bằng là

**A**. đào hố vảy cá. **B**. bón phân thích hợp.

**C**. trồng cây theo băng. **D.** làm ruộng bậc thang.

**Câu 15:** Biểu hiện của sự suy thoái tài nguyên đất ở miền núi là

**A**. nhiễm mặn. **B**. xói mòn.

**C.** nhiễm phèn. **D**. glây hóa.

**Thông hiểu**

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây đúng với tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

**A**. Diện tích rừng trồng đang thu hẹp.

**B**. Độ che phủ rừng đang giảm nhanh.

**C**. Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

**D**. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn.

**Câu 2:** Biện pháp nào sau đây sử dụng để bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta?

**A.** Ban hành Sách đỏ Việt Nam.

**B.** Cấm tuyệt đối việc khai thác.

**C.** Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

**D**. Cải tạo đất hoang, đồi núi trọc.

**Câu 3:** Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở vùng đồi núi nước ta là

**A**. bón phân thích hợp**. B.** làm ruộng bậc thang.

**C**. đẩy mạnh thâm canh**. D.** giảm chất thải độc hại.

**Câu 4:** Để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc ở miền núi nước ta, biện pháp phù hợp là

**A**. sử dụng nhiều hóa chất. **B**. nông - lâm kết hợp.

**C**. ngăn chặn hạn mặn. **D**. phòng tránh ngập úng.

**Câu 5:** Biện pháp sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất trồng ở đồng bằng là

**A**. tăng cường hóa chất. **B**. làm ruộng bậc thang.

**C.** trồng cây theo băng. **D.** đẩy mạnh thâm canh.

**Câu 6:** Biện pháp để cải tạo đất nông nghiệp ở đồng bằng là

**A.** dùng thuốc diệt cỏ. **B.** bón phân thích hợp.

**C**. đào hố kiểu vẩy cá. **D.** đẩy mạnh tăng vụ.

**Vận dụng**

**Câu 1:** Vấn đề lớn nhất trong sử dụng tài nguyên nước của nước ta hiện nay là

**A**. xâm nhập mặn, phụ thuộc vào lưu vực ngoài lãnh thổ.

**B**. mất cân bằng nguồn nước và ô nhiễm nghiêm trọng.

**C**. thiếu nước trong mùa khô, cạn kiệt nguồn nước ngầm.

**D.** ô nhiễm, ngập lụt ngày càng nghiêm trọng ở các đô thị.

**Câu 2:** Biện pháp để đảm bảo ổn định quỹ đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là

**A**. có biện pháp quản lí chặt chẽ, sử dụng theo kế hoạch.

**B**. thâm canh, tăng vụ để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

**C**. chống bạc màu, chống ô nhiễm đất do thuốc trừ sâu.

**D**. bón phân cải tạo đất thích hợp, tăng độ phì trong đất.

**Câu 3:** Biện pháp có hiệu quả nhằm bảo vệ diện tích rừng giàu ở nước ta là

**A.** tăng cường phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

**B**. ban hành Luật Lâm nghiệp, đóng cửa rừng.

**C**. tổ chức định canh cho người dân miền núi.

**D**. tăng cường giáo dục ý thức về bảo vệ rừng.

**Câu 4:** Kĩ thuật canh tác để hạn chế xói mòn trên đất dốc ở nước ta **không** phải là

**A**. làm ruộng bậc thang. **B**. đào hố dạng vẩy cá.

**C.** trồng cây theo băng. **D**. chủ động tưới tiêu

**Vận dụng cao**

**Câu 1:** Vấn đề chủ yếu cần quan tâm để bảo vệ đất ở đồi núi nước ta là

**A.** ngăn chặn sự gia tăng nhiễm phèn, nhiễm mặn.

**B**. chống ô nhiễm đất do chất thải độc hại, glây hóa.

**C**. quản lí chặt chẽ để chống thu hẹp đất nông nghiệp.

**D**. áp dụng tổng thể các biện pháp chống xói mòn đất.

**Câu 2:** Biện pháp chủ yếu trong bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là

**A**. mở rộng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn.

**B**. mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng rừng sản xuất.

**C**. tăng cường trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc.

**D**. giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.

**Câu 3:** Vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta là tình trạng

**A**. cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

B. mất cân bằng sinh thái và biến đổi khí hậu.

C. mất cân bằng sinh thái và cạn kiệt tài nguyên.

**D.** ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái.

**3.Câu hỏi Át lát trang 11**

**Câu 1:** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây **không** thuộc nhóm đất Feralit?

**A.** Đất đỏ badan. **B**. Đất nâu đỏ đá vôi.

**C.** Đất cát. **D**. Đất Feralits trên đá phiến.

Câu 2. Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây thuộc nhóm đất phù sa?

**A**. Đất đỏ ba dan. **B**. Đất nâu đỏ đá vôi.

**C**. Đất cát. **D**. Đất Feralits trên đá phiến.

**Câu 3**. Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây thuộc nhóm đất Feralit?

**A**. Đất đỏ ba dan. **B**.Đất phèn.

**C.** Đất mặn. **D**.Đất xám phù sa cổ.

**Câu 4**. Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây **không** thuộc nhóm đất phù sa?

**A.** Đất phèn. **B**.Đất cát.

**C**. Đất đỏ ba dan. **D.** Đất xám phù sa cổ.

**Câu 5**. Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây có diện tích nhỏ nhất trong nhóm đất Feralit nước ta?

**A**. Đất feralit trên đá ba dan. **B**. Đất feralit trên đá vôi.

**C**. Đất feralit trên các loại đá khác. **D.**Các loại đất đá và núi đá.

**Câu 6**. Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở các đồng bằng duyên hải Miền Trung?

**A.** Đất xám phù sa cổ. **B.** Đất mặn.

**C.** Đất cát biển.  **D**. Đất phèn.

Câu 7.Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất feralit trên đá vôi tập trung nhiều nhất ở vùng núi nào sau đây?

**A**.Trường Sơn Băc. **B.** Đông Bắc.

**C.** Tây Bắc. **D**.Trường Sơn Nam.

**Câu 8**. Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất feralit trên đá ba dan tập trung nhiều nhất ở vùng núi nào sau đây?

**A.** Trường Sơn Băc. **B**. Đông Bắc.

**C.**Tây Bắc. **D.**Trường Sơn Nam.

**Câu 9**.Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất đồng bằng bắc bộ?

**A**. Đất phèn. **B**. Đất mặn.

**C**. Đất phù sa sông. **D**. Đất xám phù sa cổ.

**Câu 10.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất cát biển tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A**. ĐB sông Hồng. **B**. ĐB sông Cửu Long.

**C**. Đông Nam Bộ **D**. Bắc Trung Bộ.

**VII. BẢO VỆ VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

**Nhận biết**

**Câu 1**. Trung bình trong 45 năm gần đây mỗi năm nước ta có gần

**A**. 9,8 cơn bão. **B.** 8,8 cơn bão. **C**.7,8 cơn bão. **D.** 6,8 cơn bão.

**Câu 2**. Gió bão đã làm mực nước biển dâng cao khoảng

**A**. 1,5 -2,0m. **B.** 2,0 – 2,5m. **C**. 2,5 – 3,0m. **D**. 3,0 – 3,5m.

**Câu 3**. Lượng mưa gây ra lũ quét trong vài giờ khoảng

**A**. 50 -**100mm. B.** 100 -150mm.

**C**. 100 -200mm. **D**. 200 – 250mm.

**Câu 4**. Ở nước ta trong năm bão tập trung nhiều nhất vào tháng

**A.** X  **B**. IX. **C**. VIII **D**. VII.

**Câu** **5**. 70% số cơn bão trong toàn mùa bão thuộc về các tháng

**A.** VIII, IX, X. **B**. VII, VIII, IX.

**C**.VI, VII, VIII. **D**. V, VI, VII.

**Câu** **5.** Số cơn bão đổ bộ vào vùng biển nước ta trung bình hằng năm là

**A**. 4 - 5 cơn bão.  **B.** 3 - 4 cơn bão.

**C.** 2 - 3 cơn bão. **D**. 1 - 2 cơn bão.

**Câu** **6.** Mùa bão ở nước ta có đặc điểm là

**A**. ở miền Bắc muộn hơn miền Nam  **B.** miền Trung sớm hơn ở miền Bắc

**C**. chậm dần từ Nam ra Bắc. **D**. chậm dần từ Bắc vào Nam.

**Câu 7.** Thời gian khô hạn kéo dài từ 4 đến 5 tháng tập trung ở

**A.** ven biển cực Nam Trung Bộ. **B**. đồng bằng Nam Bộ.

**C**. các thung lũng khuất gió. **D**. Mường Xén (Nghệ An).

**Câu 8.** Vùng có tình trạng khô hạn dữ dội và kéo dài nhất nước ta là

**A**. thung lũng đá vôi ở miền Bắc. **B**. cực Nam Trung Bộ.

**C.** phía nam Tây Nguyên. **D**. đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 9.** Vùng có hoạt động động đất mạnh nhất của nước ta là

**A**. Tây Bắc. **B**. Đông Bắc. **C**. Nam Bộ. **D.** Nam Trung Bộ.

**Câu 10.** Đặc điểm của bão ở nước ta là

**A**. tất cả đều xuất phát từ Biển Đông.

**B**. mùa bão chậm dần từ bắc vào nam.

**C**. diễn ra suốt năm và trên phạm vi cả nước.

**D**. chỉ diễn ra ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16ºB.

**Câu 11.** Hiện tượng nào sau đây thường đi liền với bão?

**A**. Sóng thần. **B**. Động đất. **C**. Lũ lụt. **D**. Ngập úng.

**Câu 12.** So với miền Bắc, ở miền Trung lũ quét thường xảy ra

**A.** nhiều hơn. **B**. ít hơn.  **C**. muộn hơn. **D**. sớm hơn.

**Câu 13.** Khu vực thường xảy ra lũ quét ở nước ta là

**A**. đồng bằng ven biển. **B**. vùng đồi trung du.

**C**. hạ lưu các cửa sông. **D**. lưu vực sông suối miền núi..

**Câu 14.** Vùng nào ở nước ta động đất biểu hiện rất yếu ?

**A**. Nam Trung Bộ. **B**. Vùng Nam Bộ.

**C**. Bắc Trung Bộ. **D**. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 15.** Ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do

**A**. lượng mưa lớn nhất nước **B.** mưa lớn và triều cường.

**C**. mạng lưới sông ngòi dày đặc.  **D**. hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

**Câu 16.** Vùng đồng bằng chịu lụt úng nghiêm trọng nhất nước ta là

**A**. Bắc Trung Bộ. **B.** sông Cửu Long.

**C.** châu thổ sông Hồng. **D**. duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu** 17. Tại các thung lũng khuất gió như Yên Châu, Sông Mã (Sơn La), Lục Ngạn (Bắc Giang), mùa khô kéo dài từ

**A**. 2 - 3 tháng **B.** 3 - 4 tháng **C**. 4 - 5 tháng **D**. 5 - 6 tháng

**Câu** 18. Mùa khô kéo dài đến 6 - 7 tháng diễn ra ở vùng

**A**. Tây nguyên. **B**. ĐB Bắc Bộ .

**C**. Bắc Trung Bộ. **D**. Vùng ven biển cực Nam Trung Bộ.

**Thông hiểu**

**Câu** 1. Ở nước ta nơi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão là

**A.** ven biển miền Trung **B**. đồng bằng Bắc Bộ

**C**. đồng bằng sông Cửu Long  **D**. vùng Đông Nam Bộ

**Câu** 2. Vùng nào dưới đây ở nước ta hầu như không xảy ra động đất?

**A**. Ven biển Nam Trung Bộ. **B**. Vùng Nam Bộ.

**C**. Vùng Đồng bằng sông Hồng.  **D**. Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Khu vực xảy ra động đất mạnh nhất ở nước ta là

**A**. Vùng Tây Bắc. **B**. Vùng Đông Bắc.

**C**. Vùng Tây Nguyên. **D**. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 4.** Thiên tai nào sau đây rất hiếm xảy ra ở đồng bằng nước ta?

**A.** Bão. **B.** Lũ lụt. **C**. Hạn hán. **D.** Động đât.

**Câu 5.** Vùng nào sau đây ở nước ta ít chịu ảnh hưởng của bão?

**A**. Bắc Trung Bộ. **B**. Đồng bằng sông Hồng.

**C**. Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu** 6. Ở nước ta vùng thường xảy ra lũ quét là

**A**. Tây Nguyên **B**. Vùng núi phía Bắc

**C**. Đồng bằng sông Hồng **D**. Đông Nam Bộ

**Câu 8**. Quản lí sử dụng đất đai hợp lí, thực hiện các biện pháp kĩ thuật thuỷ lợi, trồng rừng, kĩ thuật nông nghiệp trên đất dốc, là các biện pháp nhằm vào việc giảm thiểu tác hại của

**A.** lũ qué.t **B**. ngập lụt. **C**. động đất. D. hạn hán.

**Câu 9**. Các biện pháp để phòng chống khô hạn lâu dài ở nước ta cần

**A**. tăng cường trồng và bảo vệ rừng  **B**. xây dựng các công trình thuỷ lợi

**C**. bố trí nhiều trạm bơm nước  **D**. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc

**Câu** 10. Một trong các nhiệm vụ mà Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là

**A**. đảm bảo sự bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

**B**. đảm bảo sự bảo vệ đi đôi với sự phát triển bền vững.

**C**. chú trọng việc bảo vệ môi trường chống ô nhiễm.

**D**. đảm bảo sự giàu có của đất nước về vốn gen.

**Câu** 11. Loại thiên tai nào sau đây tuy mang tính cục bộ địa phương, nhưng diễn ra thường xuyên và cũng gây thiệt hại lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân?

**A.** Ngập úng, lũ quét và hạn hán. **B**. Bão.

C. Lốc, mưa đá, sương muối. **D**. Động đất.

**Câu 12**. Hiện tượng thường đi liền với bão ở nước ta là

**A.** sóng thần. **B**. động đất.

**C**. lũ lụt. **D**. ngập úng.

**Câu 13**. Để tránh thiệt hại do bão gây ra trên biển tàu thuyền cần

**A**. gấp rút trở về đất liền hoặc tìm nơi trú ẩn.

**B**. kiên cố tàu thuyền.

**C**. không cho tàu thuyền ra khơi.

**D**. thường xuyên theo dõi thời tiết.

**Câu 14**.Tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nhất thể hiện rõ nhất ở

**A**. nước, đất.

**B**. đất, không khí.

**C**. không khí, đất, nước.

**D**. nước, không khí.

**Câu 15**. Ý nào sau đây **không** phải là nhiệm vụ Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường?

1. duy trì hệ sinh thái chủ yếu; đảm bảo về vốn gen của các loài
2. Sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên tự nhiên; đảm bảo chất lượng môi trường.
3. Khai thác triệt để các nguồn tài nguyên
4. Phấn đấu số lượng dân cư ổn định, cân bằng khả năng sử dụng hợp lí các tài nguyên tự nhiên

**Câu 16.** Thiên tai nào sau đây không phải là hệ quả của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa lớn tập trung vào mùa mưa ở nước ta?

**A.** Động đất. **B**. Ngập lụt

 **C**. Lũ quét. **D**. Hạn hán

**Vận dụng**

**Câu 1.** Nguyên nhân làm cho lũ lên nhanh và rút nhanh ở duyên hải miền Trung là

A. địa hình dốc, lượng mưa lớn tập trung B. có nhiều cơn bão trong năm.

C. diện tích rừng bị thu hẹp.  **D**. lãnh thổ hẹp theo chiều Đông – Tây

**Câu 2**. Ngập lụt gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ hè thu ở các đồng bằng nào?

**A**. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

**B**. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng Bắc Trung Bộ.

**C**. Đồng bằng Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**D**. Đồng bằng sông Cửu Long và Đòng bằng DH NTB.

**Câu 3.** Để phòng chống khô hạn lâu dài phải giải quyết những vấn đề nào ?

1. Thực hiện các biện pháp kĩ thuật thủy lợi
2. Xây dựng công trình thủy lợi hợp lí.
3. Quản lí sử dụng đất đai hợp lí.
4. Trồng rừng và kĩ thuật nông nghiệp.

**Câu** 4. Thời gian từ tháng X đến tháng XII, lũ quét thường xảy ra ở các tỉnh

**A**. Sơn La, Lai Châu. **B**. Lào Cai, Yên Bái.

**C.** Lạng Sơn, Bắc Giang.  **D**. Hà Tĩnh, Quảng Ngãi.

**Câu 5.** Tác hại to lớn của bão ở đồng bằng Bắc Bộ biểu hiện rõ rệt nhất ở đặc điểm

**A**. diện mưa bão rộng. **B**. gió lớn.

C. ngập úng trên diện rộng **D**. giao thông khó khăn.

**Câu 6.** Hậu quả lớn nhất của hạn hán là

**A.** làm hạ mạch nước ngầm. **B**. cháy rừng

**C**. thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt **D**. gây lũ quét

**Câu 7**. Thiên tai nào sau đây **không** phải là hệ quả của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa lớn tập trung vào mùa mưa ở nước ta?

**A.** Động đất. **B**. Ngập lụt **C.** Lũ quét. **D**. Hạn hán

**Câu 8**. Ở vùng núi phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ, lũ quét thường xảy ra vào thời gian

**A**. vùng núi phía Bắc từ tháng 7 đến tháng 10 ; Duyên hải Nam Trung Bộ từ tháng 10 đến tháng 12.

**B.** vùng núi phía Bắc từ tháng 6 đến tháng 10 ; Duyên hải Nam Trung Bộ từ tháng 10 đến tháng 12.

**C.** vùng núi phía Bắc từ tháng 5 đến tháng 9 ; Duyên hải Nam Trung Bộ từ tháng 9 đến tháng 11.

**D.** vùng núi phía Bắc từ tháng 8 đến tháng 1; Duyên hải Nam Trung Bộ từ tháng 8 đến tháng 12.

**Câu 9**. Khu vực từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, bão thường tập trung trong thời gian

**A**. từ tháng 6 đến tháng 10. **B**. từ tháng 8 đến tháng 10.

**C**. từ tháng 10 đến tháng 11. **D**. từ tháng 10 đến tháng 12.

**Vận dụng cao**

**Câu 1**. Đồng bằng Duyên hải miền Trung ít bị ngập úng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long vì

**A** .mưa ở Duyên hải miền Trung thấp hơn.

**B**. lượng mưa lớn nhưng rải ra trong nhiều tháng nên mưa nhỏ hơn.

**C**. do địa hình dốc ra biển lại không có đê nên dễ thoát nước.

**D**. mật độ dân cư thấp hơn, ít có những công trình xây dựng lớn.

**Câu** 2. Biện pháp tốt nhất để hạn chế tác hại do lũ quét đối với tài sản và tính mạng của nhân dân là

**A**. bảo vệ tốt rừng đầu nguồn. **B.** xây dựng các hồ chứa nước.

**C**. di dân ở những vùng xảy ra lũ quét. **D**. quy hoạch lại các điểm dân cư ở vùng cao.

**Câu 3**. Ở Đồng bằng sông Hồng, ngập lụt gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ nào sau đây?

A. Mùa. **B**. Chiêm. **C**. Hè thu. **D**. Đông Xuân.

**Câu** 4. Để hạn chế thiệt hại do bão gây ra đối với các vùng đồng bằng ven biển, thì biện pháp phòng chống tốt nhất là :

**A**. tổ chức sơ tán dân đến nơi an toàn.

**B**. củng cố công trình đê biển, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.

**C**. thông báo cho các tàu thuyền trên biển phải tránh xa vùng tâm bão.

**D**. có biện pháp phòng chống lũ ở đầu nguồn các con sông lớn.

**Câu** 5. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho đồng bằng sông Cửu Long chịu ngập lụt là

**A**. mưa lớn kết hợp với triều cường

**B**. địa hình đồng bằng thấp và có đê sông, đê biển

**C**. xung quanh các mặt đất thấp có đê bao bọc

**D**. mật độ xây dựng cao

**Câu** 6. Nguyên nhân làm cho đồng bằng duyên hải miền Trung ngập lụt trên diện rộng là:

**A**. có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước sông ra biển

**B**. nước do mưa lớn trên nguồn dồn nhanh, nhiều.

**C.** sông ngắn, dốc, tập trung nước nhanh

**D**. mực nước biển dâng cao làm ngập mặn vùng ven biển

 **Câu** 7. Đồng bằng Duyên hải miền Trung ít bị ngập úng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long vì

1. lượng mưa ở Duyên hải miền Trung thấp hơn.
2. lượng mưa lớn nhưng rải ra trong nhiều tháng nên mưa nhỏ hơn.

**C**.do địa hình dốc ra biển lại không có đê nên dễ thoát nước.

**D**. mật độ dân cư thấp hơn, ít có những công trình xây dựng lớn.

**Câu 8:** Lũ quét thường xảy ra ở những lưu vực sông suối miền núi có

**A**. độ dốc nhỏ, mất lớp phủ thực vật và mưa do frông.

**B**. độ dốc nhỏ, còn lớp phủ thực vật và mưa theo mùa.

**C.** độ dốc lớn, còn lớp phủ thực vật và mưa lớn kéo dài.

**D**. độ dốc lớn, mất lớp phủ thực vật và mưa lớn tập trung

**Câu 9:** Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc không nhiều như ở miền Nam chủ yếu do

**A**. mùa đông lạnh nên bốc hơi ít hơn. **B**. nhận nhiều nước từ ngoài lãnh thổ.

**C**. sự điều tiết hợp lí của hồ thủy lợi. **D**. có mưa phùn vào cuối mùa đông.

**Câu 10:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho đồng bằng duyên hải miền Trung ngập lụt trên diện rộng?

**A**. Có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước.

**B**. Mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.

**C**. Sông ngắn, độ dốc lớn, tập trung nước nhanh.

**D.** Nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.